

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1982/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 11 tháng 12 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình
Di dời hệ thống mạng viễn thông của VNPT Ninh Thuận phục vụ công tác
giải phóng mặt bằng thi công đường bộ cao tốc Bắc - Nam cung đoạn
Cam Lâm - Vĩnh Hảo đoạn qua địa bàn huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 05/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/06/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ Xây dựng công bố định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 59/2017/QĐ-UBND ngày 07/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 03/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận sửa đổi, bổ sung Điều 5 Quy định phân công, phân cấp Quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 59/2017/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Công văn số 3682/BGTVT-KHĐT ngày 22/4/2019 của Bộ Giao thông vận tải về việc phân khai chi tiết kế hoạch vốn Trái phiếu Chính phủ năm



1

2019 - Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Cam Lâm - Vĩnh Hảo thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông;

Căn cứ Công văn số 2472/UBND-TCDNC ngày 14/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc di dời công trình hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn tại Tờ trình số 174/TTr-UBND ngày 13/11/2019 và theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3722/TTr-SXD ngày 04/12/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình với nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên công trình: Di dời hệ thống mạng viễn thông của VNPT Ninh Thuận phục vụ công tác giải phóng mặt bằng thi công đường bộ cao tốc Bắc - Nam cung đoạn Cam Lâm - Vĩnh Hảo đoạn qua địa bàn huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

2. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn.

3. Mục tiêu đầu tư: Nhằm duy trì hệ thống thông tin liên lạc được thông suốt để cung cấp dịch vụ viễn thông chất lượng cho khách hàng sử dụng; đồng thời, đảm bảo an toàn mạng lưới thông tin và đáp ứng mỹ quan đô thị khi tuyến đường mới hình thành.

4. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

a) *Đoạn dọc quốc lộ 27 và vị trí giao cắt với Cao tốc Bắc Nam:*

- Hiện tại vị trí này có tuyến cống bê 2 ống PVC F110-370m dọc theo quốc lộ 27 và 24m cống bê qua đường quốc lộ 27 tại Cầu dừ cùng với 8 bê cáp 2 đan vuông của VNPT hiện hữu. Vì vậy cần đập bỏ bê cáp và di dời tuyến ống hiện hữu vào vị trí lẽ mới để thi công cầu vượt tại quốc lộ 27. Mặt khác, do đoạn cống qua đường 24m tại Cầu dừ hiện nằm tại vị trí dầm móng chính của cầu vượt cao tốc; vì vậy, hủy bỏ đoạn cống vượt đường này và bổ sung 1 đoạn cống qua đường mới tại vị trí dưới gầm cầu vượt để thông tuyến cống bê chui hầm kỹ thuật vượt cao tốc sau đường thi công xong;

- Về phần cáp cống trong tuyến cống bê: Cắt cáp và dôn cáp sau đó di dời theo cùng tuyến ống đến vị trí lẽ mới;

- Về tuyến cáp treo hiện hữu: Tháo cáp, dịch tuyến cột vào ngoài mốc giải phóng mặt bằng, sau đó tại đoạn vượt cao tốc cần bổ sung cáp mới và cột treo cáp cùng tháp nổi để treo tạm cáp vượt cao tốc chờ thi công đường hoàn thiện. Sau khi tuyến cống bê mới qua hầm kỹ thuật của cao tốc hoàn thành, kéo lại cáp treo trong đường cống bê làm mới để vượt cao tốc. Bổ sung cáp mới và mặng sông để nối cáp hụt khi di dời treo tạm và khi kéo lại vào cống bê, hầm kỹ thuật.

b) *Phần tháo dỡ, thu hồi, dịch chuyển, kéo tạm:*

- Cáp đồng treo 200x2 thu hồi để dịch chuyển : 1.360 m;

- Cáp quang treo 48FO thu hồi để dịch chuyển : 1.360 m;

- Cáp quang treo 24FO thu hồi để dịch chuyển	: 1.780 m;
- Cáp đồng cống 200x2 thu hồi để dịch chuyển	: 840 m;
- Cáp quang cống 48FO thu hồi để dịch chuyển	: 840 m;
- Cáp quang cống 24FO thu hồi để dịch chuyển	: 420 m;
- Cáp đồng treo 200x2 dịch chuyển và treo tạm	: 1.760 m;
- Cáp quang treo 48FO dịch chuyển và treo tạm	: 1.760 m;
- Cáp quang treo 24FO dịch chuyển và treo tạm	: 2.180 m;
- Cáp đồng treo 200x2 thu treo tạm để kéo cống	: 400 m;
- Cáp quang treo 48FO thu treo tạm để kéo cống	: 400 m;
- Cáp quang treo 24FO thu treo tạm để kéo cống	: 400 m;
- Tủ cáp đồng 200x2 dịch chuyển	: 1 tủ;
- Tủ cáp quang 48FO dịch chuyển	: 2 tủ;
- Tủ cáp quang 24FO dịch chuyển	: 4 tủ;
- Cột bê tông ly tâm 8,5m đôi thu hồi	: 2 cột;
- Cột bê tông vuông 7m đôi thu hồi	: 2 cột;
- Cột bê tông vuông 7m đơn thu hồi	: 31 cột;
- Cột bê tông ly tâm 8,5m đôi trồng lại	: 2 cột;
- Cột bê tông vuông 7m đôi trồng lại	: 4 cột;
- Cột bê tông vuông 7m đơn trồng lại	: 27 cột;
- Tuyến cống bê 2 ống PVC F110 hiện trạng bị lấp	: 24 m;
- Tuyến cống bê 2 ống PVC F110 di dời	: 370 m;
- Bể cáp 2 đan vuông hiện trạng bị lấp	: 8 bể.
<i>c) Phần bổ sung phục vụ di dời phần cáp:</i>	
- Cáp đồng 200x2x0,5mm bổ sung	: 400 m;
- Cáp quang treo 48FO bổ sung	: 400 m;
- Cáp quang treo 24FO bổ sung	: 400 m;
- Măng sông cáp đồng 200x2	: 4 bộ;
- Măng sông quang 48FO	: 4 bộ;
- Măng sông quang 24FO	: 4 bộ;
- Giá dự phòng cáp quang trên tuyến	: 2 bộ;
- Kẹp cáp + Bulong treo cáp	: 116 bộ;
- Sắt nối L100x100x10-2,45m	: 2 thanh;
- Hệ thống tiếp đất tủ cáp và tuyến cáp treo	: 9 hệ thống.
<i>d) Phần bổ sung phục vụ di dời phần cống bê, cột:</i>	
- Tuyến cống 2 ống sắt F113,5mm qua đường	: 40 m;
- Tuyến cống 2 ống sắt F113,5mm qua hầm	: 50 m;
- Tuyến cống 2 ống PVC F110mm	: 110 m;
- Tuyến 1 ống PVC F110 lên cáp	: 6 m;
- Ống cong R500 lên cáp	: 2 cái;
- Bể cáp 2 đan vuông TC dưới hè	: 11 bể;
- Cột bê tông vuông đôi 7m	: 1 cột;
- Đồ ụ quây cột đôi	: 5 ụ;
- Đồ ụ quây cột đơn	: 25 ụ.



h

e) Thay thế dây cáp thuê bao cáp đồng và cáp quang trên tuyến:

Trong quá trình thu hồi, các dây thuê thuê bao cáp đồng và cáp quang trên tuyến do rất mỏng nên sẽ bị đứt cần cắt bỏ. Do vậy, sau khi di dời cáp chính cần trang bị lại cáp mới để kéo lại đầu nối đến các thuê bao đang hoạt động trên tuyến với khối lượng:

- Dây sup thuê bao đồng (500m) : 04 cuộn;
- Dây sup thuê bao quang : 2.000 m.

5. Tổ chức Tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty Cổ phần Thiết kế Viễn thông Tin học Đà Nẵng.

6. Chủ nhiệm lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Ông Lê Thanh Hà.

7. Địa điểm xây dựng: Huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

8. Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật.

9. Tổng mức đầu tư: **1.259.545.416 đồng**,

Trong đó:

Chi phí xây dựng	1.034.179.488 đồng
Chi phí quản lý dự án	20.781.367 đồng
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	111.620.359 đồng
Chi phí khác	32.985.849 đồng
Chi phí dự phòng	59.978.353 đồng

(Có Bảng tổng hợp dự toán công trình của Sở Xây dựng thẩm định và xác lập tại Công văn số 3721/SXD-QLHDXD&HTKT ngày 04/12/2019 kèm theo Quyết định này).

10. Nguồn vốn đầu tư: Vốn Trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2016-2020 và năm 2019 cho các dự án thành phần thuộc dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc-Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020.

11. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư ủy thác cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Ninh Sơn.

12. Thời gian thực hiện: Năm 2019 đến năm 2020.

Điều 2. Chủ đầu tư (Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn) chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành có liên quan của Nhà nước về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành;

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục trưởng Cục thuế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Ninh Sơn, Giám đốc ty Cổ

phần Thiết kế Viễn thông Tin học Đà Nẵng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chủ đầu tư (05 bản QĐ);
- VPUB: Ban TCDNC, KTTH;
- Lưu: VT. Đạt -XD

CHỦ TỊCH



Lưu Xuân Vĩnh



BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CÔNG TRÌNH

**CÔNG TRÌNH: DI DỜI HỆ THỐNG MẠNG VIỄN THÔNG CỦA VNPT NINH THUẬN PHỤC VỤ CÔNG TÁC
GPMB THI CÔNG ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC BẮC - NAM CUNG ĐOÀN CAM LÂM - VĨNH HẢO
ĐOẠN QUA ĐỊA BÀN HUYỆN NINH SƠN**

(Đính kèm theo Văn bản số 3721 /SXĐ-QLHĐXD&HTKT ngày 09/12/2019 của Sở Xây dựng)

Stt	Khoản mục chi phí	Cách tính	Hệ số (Ki)	Thành tiền
I	Chi phí xây dựng trước thuế	G=G1		940.163.171
	Chi phí di dời VNPT	G1		940.163.171
	THUẾ GTGT	GTGT=G x 10%		94.016.317
II	Chi phí xây dựng	G_{XD}=G + GTGT		1.034.179.488
III	Chi phí quản lý dự án	G_{QLDA}=G x Ki x 0,8	2,763%	20.781.367
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	G_{TV}= TV1+...+TV6		111.620.359
1	Chi phí khảo sát, đo vẽ hiện trạng	TV1=(bảng tính)		18.656.000
2	Chi phí lập Báo cáo KT-KT	TV2=G x Ki x 1,1	5,800%	59.982.410
3	Chi phí thẩm tra thiết kế	TV3=G x Ki x 1,1	0,197%	2.037.334
4	Chi phí thẩm tra dự toán	TV4=(tối thiểu)		2.000.000
5	Chi phí lập HSYC và PTĐG HSDX TCXL	TV5=G x Ki x 60% x 1,1	0,388%	2.407.570
6	Chi phí giám sát thi công xây lắp	TV6=G x Ki x 1,1	2,566%	26.537.046
V	Chi phí khác	G_K=K1+...+K5		32.985.849
1	Phí thẩm định Báo cáo KTKT	K1=TMĐT x Ki	0,019%	239.400
2	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	K2=TMĐT x Ki x 50%	0,950%	5.985.000
3	Chi phí bảo hiểm công trình	K3= G x Ki x 1,1	0,250%	2.585.449
4	Chi phí thẩm định HSYC và KQLCNT TCXL	K4=(tối thiểu)		2.000.000
5	Chi phí kiểm toán	K5=TMĐT x Ki x 1,1	1,600%	22.176.000
VI	Tổng cộng	TZ = G_{XD}+G_{QLDA}+G_{TV}+G_K		1.199.567.063
VII	Chi phí dự phòng	DP = TZ x Ki	5,00%	59.978.353
	Tổng mức đầu tư xây dựng công trình	TMĐT = TZ + DP		1.259.545.416

NGƯỜI THẨM ĐỊNH



Bùi Kế Tường